

Số: 3831 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Evertrade Việt Nam, Công ty TNHH Lại Hồng, Công ty TNHH TMDV Lê Kim Thịnh, Trường Mầm non Đồ Rê Mí 2 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 18402/TTr-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 815/TTr-LĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH Evertrade Việt Nam, Công ty TNHH Lại Hồng, Công ty TNHH TMDV Lê Kim Thịnh, Trường Mầm non Đồ Rê Mí 2 do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết



định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

1. Công ty TNHH Evertrade Việt Nam, địa chỉ: Khu Công nghiệp Tam Phước, phường Tam Phước, thành Phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 118 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên, với kinh phí hỗ trợ 437.780.000 đồng, trong đó có 30 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (30 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 30.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 467.780.000 đồng (bốn trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi ngàn đồng chẵn).

2. Công ty TNHH Lại Hồng, địa chỉ: Khu Công Nghiệp Tam Phước, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 03 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 11.130.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 12.130.000 đồng (mười hai triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

3. Công ty TNHH TMDV Lê Kim Thịnh, địa chỉ: Số A24, Xa lộ Hà Nội, khu phố 5, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 03 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 11.130.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (01 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 12.130.000 đồng (mười hai triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn).

4. Trường Mầm non Đồ Rê Mít 2, địa chỉ: Số 75A đường Nguyễn Thông, tổ 13, khu phố 3, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, gồm 15 người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên với kinh phí hỗ trợ là 55.650.000 đồng, trong đó có 01 người lao động đang mang thai và 05 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (05 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 6.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 61.650.000 đồng (sáu mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ



tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH EVERTRADE VIỆT NAM**

(Kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: **CÔNG TY TNHH EVERTRADE VIỆT NAM**
2. Mã số cơ sở: **3600961219**
3. Địa chỉ: **Khu Công Nghiệp Tam Phước, Phường Tam Phước, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**
4. Mã cơ quan BHXH: **07500**
5. Mã đơn vị: **YN0083A**

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xương làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trần Thị Quyết	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2018	4016375610	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Quyết			187587462	
2	Phạm Huỳnh Đức	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2019	4221528514	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Huỳnh Đức			184286637	
3	Lâm Chênh Tùng	Phiên Dịch	Vô Thời Hạn	01/09/2012	4707052009	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lâm Chênh Tùng			271872421	
4	Cao Văn Hát	Công Nhân Gỗ	1 Năm	01/04/2021	5212007776	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Cao Văn Hát			370996496	
5	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	5214010700	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Cẩm Tiên			385575147	
6	Nguyễn Xuân Hải	Công Nhân Cơ Khí	Vô Thời Hạn	01/04/2017	7508005594	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Hải			183281868	
7	Nguyễn Phúc Tường	Kho	Vô Thời Hạn	01/04/2008	7508108034	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Phúc Tường			301196955	
8	Phạm Thị Thắm	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/04/2009	7508108041	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Thị Thắm			385338961	
9	Trần Thị Bích	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/04/2010	7508108044	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Bích			301788282	

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Chi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
10	Trần Thị Thoa	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/04/2011	7508108050	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Thoa			113231083	
11	Lê Thị Út	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	7508108066	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Út			381349089	
12	Nguyễn Văn Xuân	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2019	7508108090	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Xuân			385208159	
13	Dư Quốc Vinh	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/04/2019	7508108093	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Dư Quốc Vinh			366250415	
14	Trần Văn Hải	Công Nhân Sản Xuất	3 Năm	01/08/2020	7508108096	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Hải			381349088	
15	Lý Thanh Công	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/04/2008	7508108101	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Thanh Công			331294786	
16	Nguyễn Văn Thế	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2008	7508187556	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thế			363502912	
17	Lê Thị Thủy Trang	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	7508187559	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Thủy Trang			340935472	
18	Nguyễn Hoàng Nhứt	Công Nhân Mài Hàng	3 Năm	01/08/2020	7508187569	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Nhứt			341250832	
19	Trần Quang Vinh	Công Nhân Gỗ	Vô Thời Hạn	01/04/2008	7509043195	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Quang Vinh			385220046	
20	Trần Thị Tinh	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/01/2017	7509043196	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Tinh			385890288	
21	Thạch Phước Em	Công Nhân Rửa Hàng	Vô Thời Hạn	01/08/2017	7509043197	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Phước Em			385452698	
22	Đoàn Thị Thu	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/04/2008	7509043198	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Đoàn Thị Thu			385220793	
23	Thông Cái Phòng	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/05/2009	7509043202	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Thông Cái Phòng			271984423	
24	Lý Thị Xuân	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/09/2016	7509059779	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lý Thị Xuân			385735453	
25	Phan Cẩm Lua	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/07/2009	7509059789	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Cẩm Lua			381614594	
26	Nguyễn Văn Thản	Công Nhân Phun Sơn	Vô Thời Hạn	01/03/2019	7509059792	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thản			363558618	
27	Nguyễn Thị Đình	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	15/09/2019	7509111219	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Đình			385311038	



TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xương làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Chú chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
28	Nguyễn Thị Kiều Tiên	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	7509111221	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kiều Tiên			385450628	
29	Đinh Thị Ánh Tuyết	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	7509111230	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Ánh Tuyết			04416400558	
30	Đinh Thị Lập	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/07/2014	7510028027	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Đinh Thị Lập			380991264	
31	Trần Văn Canh	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/02/2010	7510028034	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Canh			385501735	
32	Lê Quốc Trang	Công Nhân Khảo Mẩu	3 Năm	01/08/2020	7510029151	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Quốc Trang			381668873	
33	Dư Văn Phương	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/06/2010	7510031238	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Dư Văn Phương			385244866	
34	Vô Văn Vũ	Công Nhân Sản Xuất	3 Năm	01/11/2020	7510032026	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Vô Văn Vũ			381631299	
35	Phan Văn Sơn	Công Nhân Gổ	Vô Thời Hạn	01/04/2017	7510048137	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Văn Sơn			183071385	
36	Trần Thị Xiu	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/10/2010	7510106730	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Xiu			090378257	
37	Phạm Chi Linh	Công Nhân Khảo Mẩu	Vô Thời Hạn	01/05/2014	7510107088	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Chi Linh			381631583	
38	Nguyễn Văn Hân	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2010	7510107793	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hân			381543433	
39	Nguyễn Văn Thái	Công Nhân Khảo Mẩu	Vô Thời Hạn	01/09/2010	7510107804	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thái			272623717	
40	Chu Thị Quế	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/01/2016	7510109120	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Chu Thị Quế			381696411	
41	Danh Vinh	Công Nhân Mài	Vô Thời Hạn	01/11/2018	7511053398	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Vinh			371458367	
42	Trần Văn Tèo	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/11/2018	7511069947	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Tèo			381105168	
43	Phạm Trúc Ly	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7511159487	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Trúc Ly			385217193	
44	Trương Văn Sư	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/11/2018	7511159489	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Sư			381517677	
45	Tô Văn Ưt	Công Nhân Sản Xuất	3 Năm	01/08/2020	7511177188	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Tô Văn Ưt			385601793	

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
46	Nguyễn Văn Hai	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/02/2010	7511178761	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hai			331739072	
47	Nguyễn Bè Ngoan	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/06/2011	7511178762	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Bè Ngoan			385311300	
48	Nguyễn Thanh Sang	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/08/2017	7511180093	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Sang			365568395	
49	Lê Thị Hiền	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/08/2011	7511181003	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Hiền			272927972	
50	Nguyễn Kim Phó	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/08/2011	7511181005	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Kim Phó			385873744	
51	Nguyễn Thanh Đoàn	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2017	7511181006	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Đoàn			371493652	
52	Nguyễn Văn Sử	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2011	7511181009	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Sử			385040972	
53	Bùi Thị Thơm	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/07/2014	7512004183	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Thị Thơm			173187332	
54	Nguyễn Ngọc Thoai	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/05/2012	7512191874	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Thoai			385654958	
55	Lê Thị Diễm	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/05/2012	7512191875	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Diễm			351927169	
56	Bùi Văn Nhớ	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2012	7512194380	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Bùi Văn Nhớ			363722478	
57	Lưu Văn Hà	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2012	7512194387	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Văn Hà			385488931	
58	Đỗ Văn Phương	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2012	7512195682	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Đỗ Văn Phương			385210102	
59	Nguyễn Văn Cường	Công Nhân Gỗ	Vô Thời Hạn	01/07/2019	7513052361	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Cường			385225522	
60	Nguyễn Văn Tì	Công Nhân Gỗ	1 Năm	01/04/2021	7513052369	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tì			385228129	
61	Trần Văn Lang	Công Nhân Sản Xuất	1 Năm	01/04/2021	7513073827	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Lang			381717686	
62	Phan Thị Đẹp	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	15/09/2019	7513153046	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phan Thị Đẹp			371794183	
63	Trần Diệu Hiền	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2018	7513177002	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Diệu Hiền			385428283	



TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xương làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/nghỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên	(13)		
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
64	Đinh Thị Cười	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	7513179570	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Đinh Thị Cười			264573552	
65	Giang Thị Hào	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/05/2013	7513179576	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Giang Thị Hào			385691676	
66	Huyênh Chi Tâm	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/05/2013	7513179578	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Huyênh Chi Tâm			340933644	
67	Huyênh Kiêu Phương	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/05/2013	7513179581	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Huyênh Kiêu Phương			385220927	
68	Lưu Văn Hiến	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183197	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Lưu Văn Hiến			38553146	
69	Danh Triều Linh	Công Nhân Mài	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183199	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Danh Triều Linh			371533823	
70	Trần Minh Đà	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183200	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Trần Minh Đà			38550601	
71	Trịnh Thị Dung	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183201	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Trịnh Thị Dung			351634268	
72	Phạm Cà Phê	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183203	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Phạm Cà Phê			362006775	
73	Trần Văn Dương	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/10/2013	7513183204	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Trần Văn Dương			385601289	
74	Dư Bảo Yến	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	10/11/2019	7514036822	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Dư Bảo Yến			334933013	
75	Thái Hoàng Tân	Công Nhân Sản Xuất	1 Năm	01/04/2021	7514074808	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Thái Hoàng Tân			381247222	
76	Vô Trúc Ly	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	7514075777	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Vô Trúc Ly			381867331	
77	Nguyễn Văn Đài	Công Nhân Mài Tập Vù	3 Năm	01/08/2020	7514150082	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Nguyễn Văn Đài			341789943	
78	Lê Thị Mông	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2014	7514161791	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Lê Thị Mông			385604200	
79	Lê Tài Linh	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2014	7514161793	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Lê Tài Linh			381779427	
80	Lê Thị Minh Tơ	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2014	7514161799	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Lê Thị Minh Tơ			371217254	
81	Trần Văn Chi Em	Kho	Vô Thời Hạn	01/11/2014	7514161802	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3 710 000	Trần Văn Chi Em			385537293	

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên	(13)	(14)	
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
82	Nguyễn Ngọc Quý	Công Nhân Phun Cát	Vô Thời Hạn	01/05/2014	7514178617	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Quý			381816408	
83	Cao Thị Chi Em	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/03/2019	7515013160	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Cao Thị Chi Em			381229424	
84	Lưu Văn Giang	Công Nhân Giao Hàng	Vô Thời Hạn	01/01/2016	7516090054	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Văn Giang			381753654	
85	Trần Thị Đà	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/01/2016	7516090057	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Đà			351505170	
86	Thạch Thị	Công Nhân Gõ	Vô Thời Hạn	01/01/2016	7516090059	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Thị			334723882	
87	Nguyễn Văn Hiền	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/05/2016	7516096344	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiền			385636040	
88	Nguyễn Thị Định	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/09/2016	7516104757	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Định			272438939	
89	Lưu Văn Hoàng	Công Nhân Phun Cát	Vô Thời Hạn	01/04/2017	7516174449	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lưu Văn Hoàng			380991014	
90	Dương Vũ Thanh Thu	Công Nhân Kho	3 Năm	01-11-20	7516185247	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Vũ Thanh Thu			261185996	
91	Nguyễn Thanh Phong	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2017	7516195688	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thanh Phong			371871357	
92	Nguyễn Hoàng Vũ	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2017	7516195692	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Vũ			385501643	
93	Danh Tài	Công Nhân Giao Hàng	Vô Thời Hạn	01-08-11	7516195693	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Tài			371796246	
94	Nguyễn Nhi Khang	Công Nhân Phun Sơn	Vô Thời Hạn	01/07/2019	7526971357	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Nhi Khang			385793328	
95	Nguyễn Tấn Phong	Công Nhân Gõ	Vô Thời Hạn	01/07/2019	8722619834	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Tấn Phong			341614926	
96	Trần Thị Trúc Trinh	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	15/09/2019	8722623681	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Trúc Trinh			341609474	
97	Cao Diễm Thơm Em	Công Nhân Mái	3 Năm	01/08/2020	8922391542	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Cao Diễm Thơm Em			352331246	
98	Danh Thái	Công Nhân Mái	3 Năm	01/11/2020	9122541963	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Danh Thái			371674965	
99	Nguyễn Bích Huyền	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	9122878144	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Bích Huyền			372003252	

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt dầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt dầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/CCC D	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
100	Lê Thị Minh Xuyên	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	9123277789	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Minh Xuyên			371066651	
101	Phạm Văn Phở	Công Nhân Mài	Vô Thời Hạn	01/03/2019	9123659400	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Phở			371736351	
102	Huyền Văn Tiến	Công Nhân Mài Hàng	Vô Thời Hạn	01/08/2018	9221603904	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Huyền Văn Tiến			362000587	
103	Huyền Văn Thương	Công Nhân Sản Xuất	1 Năm	01/04/2021	9321683658	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Huyền Văn Thương			363785160	
104	Nguyễn Thị Thắm	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/03/2019	9321928638	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thắm			363920553	
105	Nguyễn Văn Thanh	Công Nhân Gõ	3 Năm	01/08/2020	9516006394	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Thanh			381538780	
106	Vô Chi Thiểu	Công Nhân Sản Xuất	3 Năm	01-11-20	9521435438	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Vô Chi Thiểu			281280908	
107	Phạm Văn Tú	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/07/2019	9521443358	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Tú			385220679	
108	Nguyễn Anh Đăng	Công Nhân Tu Sửa	3 Năm	01/08/2020	9521463688	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Anh Đăng			385851894	
109	Trần Thị Nguyệt	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	9521487984	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Nguyệt			385742306	
110	Thạch Thu Hà	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	10/11/2019	9521507592	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Thạch Thu Hà			385707146	
111	Trần Văn Toàn	Công Nhân Mài	Vô Thời Hạn	01/11/2018	9521600167	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Văn Toàn			385222132	
112	Nguyễn Thị Út	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/11/2018	9521652127	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Út			385061186	
113	Phạm Văn Lạc	Công Nhân Sản Xuất	1 Năm	01/04/2021	9522044166	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Phạm Văn Lạc			385416154	
114	Thái Hoàng Trung	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/03/2019	9621945304	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Thái Hoàng Trung			381358093	
115	Trần Thị Nhi	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/03/2019	9622012279	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trần Thị Nhi			381474738	
116	Lê Thị Loan	Công Nhân Tu Sửa	1 Năm	01/04/2021	9622603317	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Lê Thị Loan			381990422	
117	Nguyễn Văn Lũng	Công Nhân Sản Xuất	Vô Thời Hạn	01/08/2018	9622961403	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Lũng			381452649	

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghe không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMND/CCC D	Ghi chú
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm	(10)	Tên TK	(12)	(14)	(15)
118	Nguyễn Thị Hoa	Công Nhân Tu Sửa	Vô Thời Hạn	01/07/2019	9623076818	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Hoa		381309634	
									437.780.000				

Cộng: 118 lao động

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÃN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ EM

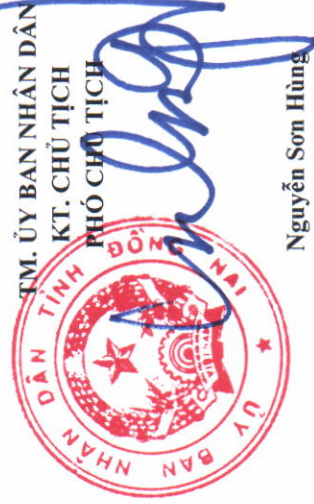
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ CCCD của vợ hoặc chồng		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên		
1		2	4	5	6	7	8		9	10	11
1	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	5	Cao Thị Cẩm Tú	29/05/2016	Cao Văn Hát	370996496	1000000	Nguyễn Thị Cẩm Tiên		385575147	
2	Nguyễn Xuân Hải	6	Nguyễn Xuân Đạt	04-01-20	Bùi Thị Thơm	173187332	1000000	Nguyễn Xuân Hải		183281868	
3	Lý Thanh Công	15	Lý Gia Phát	12-01-21	Võ Cẩm Viên Em	385485683	1000000	Lý Thanh Công		331294786	
4	Nguyễn Văn Thế	16	Nguyễn Ngọc An Nhiên	10-10-20	Bùi Thị Hải	38190012865	1000000	Nguyễn Văn Thế		363502912	
5	Trần Thị Tinh	20	Trần Hoàng Đức	01-05-19	Trần Văn Chi Em	385537293	1000000	Trần Thị Tinh		385890288	
6	Thông Cái Phong	23	Nguyễn Thị Trúc Đào	19/04/2016	Nguyễn Phát Tuấn	93088000327	1000000	Thông Cái Phong		271984423	
7	Nguyễn Thị Kiều Tiên	28	Lâm Nguyễn Gia Hào	17/09/2018	Lâm Văn Hiệp	365537609	1000000	Nguyễn Thị Kiều Tiên		385450628	
8	Trần Văn Cảnh	31	Trần Ngọc Bích	01-05-20	Nguyễn Ngọc Thoại	385654958	1000000	Trần Văn Cảnh		385501735	
9	Phạm Chi Linh	37	Phạm Lê Trúc Băng	06-09-16	Lê Tài Linh	381779427	1000000	Phạm Chi Linh		381631583	
10	Nguyễn Văn Thái	39	Nguyễn Chi Cường	14/15/2018	Nguyễn Thị Liên	272783820	1000000	Nguyễn Văn Thái		272623717	



TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng					Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/CCCD của vợ hoặc chồng	Tên TK		Ký nhận và ghi rõ họ tên			
1		2	4	5	6	7	8	9		10	11	
11	Tô Văn Út	45	Tô Yến Ly	30/06/2016	Nguyễn Hồng Chi	385494610	1000000		Tô Văn Út	385601793		
12	Nguyễn Thanh Đoàn	51	Nguyễn Duy Anh	07-05-21	Tô Tú Phương	95192001039	1000000		Nguyễn Thanh Đoàn	371493652		
13	Đỗ Văn Phương	58	Đỗ Phương Bắc	24/04/2020	Trần Diệu Hiền	385428283	1000000		Đỗ Văn Phương	385210102		
14	Huyền Chi Tâm	66	Huyền Thi Tâm Như	02-05-19	Châu Thị Thủy Hiền	341795931	1000000		Huyền Chi Tâm	340933644		
15	Lưu Văn Hiền	68	Lưu Thị Diệu	25/01/2017	Tang Ngọc Bích	385236527	1000000		Lưu Văn Hiền	385553146		
16	Danh Tiểu Linh	69	Danh Hoài Lâm	11-08-20	Lâm Thị Phần	371894416	1000000		Danh Tiểu Linh	371533823		
17	Dư Bảo Yến	74	Nguyễn Nhật Trường	23/03/2018	Nguyễn Văn Hiền	334933013	1000000		Dư Bảo Yến	334933013		
18	Nguyễn Văn Đại	77	Nguyễn Hồng Vân	15/07/2018	Vũ Thị Thảo	187542105	1000000		Nguyễn Văn Đại	341789943		
19	Trần Văn Chi Em	81	Trần Thiên Nhan	30/08/2017	Trần Thị Trinh	385890288	1000000		Trần Văn Chi Em	385537293		
20	Nguyễn Văn Hiền	87	Nguyễn Huỳnh Như	29/01/2016	Dư Bảo Yến	385636040	1000000		Nguyễn Văn Hiền	385636040		
21	Dương Vũ Thanh Thu	90	Trần Dương Sơn Tùng	12-05-16	Trần Minh Tiến	271786406	1000000		Dương Vũ Thanh Thu	261185996		
22	Nguyễn Hoàng Vũ	92	Nguyễn Lê Gia Bảo	22/06/2020	Lê Thị Bích Ngân	385639562	1000000		Nguyễn Hoàng Vũ	385501643		
23	Trần Thị Trúc Trinh	96	Nguyễn Trần Hà Trâm	25/01/2017	Nguyễn Tấn Phong	341614926	1000000		Trần Thị Trúc Trinh	341609474		
24	Danh Thái	98	Danh Thị Như Ý	24/10/2020	Thị Hằng	371895837	1000000		Danh Thái	371674965		
25	Lê Thị Minh Xuyên	100	Quách Minh Trân	27/03/2016	Quách Văn Út	370931404	1000000		Lê Thị Minh Xuyên	371066651		
26	Phạm Văn Phở	101	Phạm Nguyễn Hào Nam	20/10/2017	Nguyễn Thị Anh Thư	91197000747	1000000		Phạm Văn Phở	371736351		

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMT/hệ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/CCCD của vợ hoặc chồng		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên		
1		2	3	4	5	6	7	9		10	11
27	Nguyễn Thị Thắm	104	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	03-05-17	Nguyễn Văn Luân	30087006584	1000000	Nguyễn Thị Thắm		363920553	
28	Nguyễn Văn Thanh	105	Nguyễn Cát Tường	03-10-18	Thạch Thu Hà	385707146	1000000	Nguyễn Văn Thanh		381538780	
29	Võ Chi Thiều	106	Võ Nguyễn Ngọc Quyên	29/08/2019	Nguyễn Ánh Dang	9521463688	1000000	Võ Chi Thiều		281280908	
30	Phạm Văn Lạc	113	Phạm Duy Khánh	28/05/2020	Nguyễn Kim Thùy	385467371	1000000	Phạm Văn Lạc		385416154	
Cộng:							30.000.000				
Cộng: II+III							467.780.000				

Tổng số tiền hỗ trợ: 467.780.000 đồng
(Bốn trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH LẠI HỒNG
(Kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 06 / 10 /2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH LẠI HỒNG
2. Mã số cơ sở: 3603205203
3. Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Tam Phước, Phường Tam Phước, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: YN0140A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ban/ phần xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt dầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt dầu tạm hoàn, NVKHL	Thời gian tạm hoàn HDLĐ/người không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/ CCCD	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên			
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Huỳnh Hữu Nghĩa	Công nhân may	Không thời hạn	01/10/2017	7511082709	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Huỳnh Hữu Nghĩa			381581254	
2	Dương Thị Cài	Công nhân may	Không thời hạn	01/11/2019	9521068540	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Dương Thị Cài			385507261	
3	Trương Văn Biên	Công nhân dán	Không thời hạn	01/11/2019	7511177198	20/07/2021	20/07/2021	15/09/2021	3.710.000	Trương Văn Biên			272927971	
Tổng: 03 lao động									11.130.000					

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ		Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/ CCCD của vợ hoặc chồng		Tên TK	Ký nhận và ghi rõ họ tên		
1	2	3	4	5	6	7	8		9	10	11
1	Huỳnh Hữu Nghĩa	1	Huỳnh Thị Lan Trinh	25-04-20	Lâm Thị Sang	381488216	1.000.000	Huỳnh Hữu Nghĩa		381581254	
			Cộng: 01 trẻ em				1.000.000				
			CỘNG II+III				12.130.000				

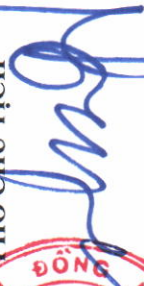
Tổng số tiền hỗ trợ: 12.1300.000 đồng
(Mười hai triệu, một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
HỒNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH TMDV LÊ KIM THỊNH
(Kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 06/16/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: CÔNG TY TNHH TMDV LÊ KIM THỊNH
2. Mã số cơ sở: 3600840479
3. Địa chỉ: Số A24, Xã lộ Hà Nội, KP5, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hoà, T. Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: TA1820A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng /ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoàn, NVKHL	Thời gian tạm hoàn không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán	Không xác định thời hạn	02/01/2018	7523068057	01/07/2021	01/07/2021	30/09/2021	3.710.000	Đỗ Thị Thu Hiền	0481000892800	Vietcombank - CN Biên Hoà	271696086	
2	Tổng Thị Hồng	Thu kho	Không xác định thời hạn	02/01/2018	7523744436	01/07/2021	01/07/2021	30/09/2021	3.710.000	Tổng Thị Hồng	0481000868334	Vietcombank - CN Biên Hoà	272915931	
3	Trần Mỹ Ngọc	Kế toán	Không xác định thời hạn	01/10/2019	7930820290	01/08/2021	01/08/2021	30/09/2021	3.710.000	Trần Mỹ Ngọc	13810000142589	BIDV - CN Bến Nghé, TP HCM	079189907396	
Tổng cộng 03 lao động									11.130.000					

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMND/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9			10	11

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỒ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
HỒNG HƯƠNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA TRƯỜNG MN ĐỎ RÊ MÍ 2
(Kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên cơ sở: Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2
2. Mã số cơ sở: 8370679944
3. Địa chỉ: 75A đường Nguyễn Thông, tổ 13, KP3, phường An Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
4. Mã cơ quan BHXH: 07500
5. Mã đơn vị: NA0183A

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG

TT	Họ và tên	Phòng/ban/ phần xương làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HDLĐ	Mã số BHXH	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, NVKHL	Thời gian tạm hoãn HDLĐ/ngỉ không lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/ CCCD	Ghi chú
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)	(6)*	(7)*	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Lê Thị Liên	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-10-15	4704014881	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Vô Thị Mỹ Hương	700001861527	Shinhan bank	271268643	
2	H Dam ENOLU	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-08-18	6624395750	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Liên	0481000045626	Vietcombank - CN Đồng Nai	240877853	
3	Nguyễn Thị Thủy	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-03-18	3824586574	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thủy	5990205778406	Agribank - CN Biên Hoà Đồng Nai	174560936	
4	Phạm Thị Thủy	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-08-18	4221431063	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Loan	0201000677541	Vietcombank - CN Hà Tĩnh	184174478	
5	Phạm Thị Hào	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-02-17	7516172292	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hào	0481000773983	Vietcombank -CN Đồng Nai	19735568	
6	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-09-16	7516144003	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hải Đăng	659704060045794	VIB	38127877	
7	Lê Thị Thảo	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-07-18	7512064883	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thảo	0481000676776	Vietcombank -CN Biên Hòa Đồng Nai	194525485	
8	Hoàng Thị Ngươn	Trường MN ĐỎ RÊ MÍ 2	Không xác định thời hạn	01-07-18	7514019863	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hòa	5990205913033	Agribank - CN Biên Hoà Đồng Nai	241544059	

9	Tại Nguyễn Huyền Chi	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-01-13	7513150850	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Chế Dân	599020586022	Agribank-CN Bắc Đồng Nai	264097982
10	Trình Thị Hoa	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-03-21	0113055071	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Trình Thị Hoa	020040728210	Sacombank	013585965
11	Trần Thị Nhân	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-03-19	6622726924	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Nhân	5990205932202	Agribank-CN Bắc Đồng Nai	241583185
12	Trương Thị Thắng	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-09-19	7416091391	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Thắng	0110169432	Ngân hàng Đông Á - CN Bình Dương	194528361
13	Phạm Thị Thủy Linh	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-10-20	4420333794	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Thủy Linh	5990205845591	Agribank - CN Biên Hòa Đồng Nai	194544644
14	Trần Thị Hạnh	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-10-20	7523335504	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Văn Quỳnh	0481000737217	Vietcombank	168410104
15	Phạm Thị Ngà	Trường MN Đồ Rẻ Mĩ 2	Không xác định thời hạn	01-03-13	7513152359	01-06-2021	01-06-2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Thị Mộng Vân	1013690311	Vietcombank-CN Biên Hòa Đồng Nai	182227576
Cộng: 15 lao động										55.650.000			

III. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHĨ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG MANG THAI

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
				Tên TK	Số TK	Ngân hàng		
1	Phạm Thị Hào	5	1.000.000	Phạm Thị Hào	48100073983	Vietcombank- CN Đồng Nai	197.335.568	
Cộng: 01 lao động			1.000.000					

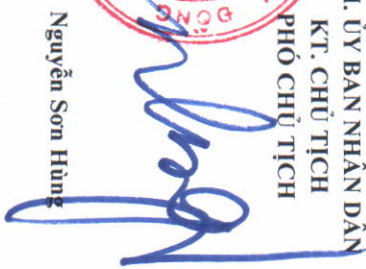
IV. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHĨ VIỆC KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG VÀ ĐANG NUÔI CON ĐỂ HOẶC CON NUÔI HOẶC CHĂM SÓC THAY THẾ TRẺ EM

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục II	Thông tin về con và vợ hoặc chồng				Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMT/thẻ căn cước công dân	Ghi chú
			Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng		Tên TK	Số TK	Ngân hàng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Thị Thủy	3	Hoàng Đức Toàn	15/11/2018	Hoàng Khắc Huỳnh	38095003772	1.000.000	Nguyễn Thị Thủy	5990205778406	Agribank - CN Biên Hòa Đồng Nai	174560936	
2	Trương Thị Thắng	12	Nguyễn Ngọc Linh Đan	10-05-17	Nguyễn Thanh Hải	44092004447	1.000.000	Trương Thị Thắng	110169432	Ngân hàng Đông Á - CN Bình Dương	194528361	



3	Phạm Thị Thủy Linh	13	Phạm Ngọc Khanh Chi	03-03-17	Phạm Ngọc Cảnh	194517513	1.000.000	Phạm Thị Thủy Linh	5990205845591	Agribank - CN Biên Hòa Đồng Nai	194544644	
4	Hoàng Thị Ngọc	8	Nguyễn Khánh Ngân	21/2/2019	Nguyễn Văn Hòa	174391122	1.000.000	Nguyễn Văn Hòa	5990205913033	Agribank - CN Biên Hòa Đồng Nai	241544059	
5	Trần Thị Hạnh	14	Phạm Hải Minh	20/06/2021	Phạm Văn Quỳnh	44087000860	1.000.000	Phạm Văn Quỳnh	481000737217	Vietcombank	168410104	
Cộng: 05 trẻ em							5.000.000					
Tổng cộng II+III+IV							61.650.000					

Tổng số tiền hỗ trợ: 61.650.000 đồng
(Sáu mươi một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng

